

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã thông qua gói hỗ trợ tài chính trị giá lên tới 650 tỷ USD, trong đó Việt Nam có thể nhận khoảng 1.56 tỷ USD

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

¾ HĐTL giảm điểm trong phiên giao dịch hôm nay trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, trái ngược với diễn biến tăng điểm tại thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VJC, KDH

[Cập nhật công ty]

GVR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT cần tập trung vào việc cân bằng lại tỷ trọng, tiếp tục chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn đã tăng đạt kỳ vọng

04/08/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,334.74	+0.17
VN30	1,472.20	+0.16
HĐTL VN30F1M	1,470.90	-0.28
HNXIndex	320.02	+0.28
HNX30	519.71	-0.07
UPCoM	87.52	-0.08
USD/VND	22,950	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.13	+8
Lãi suất qua đêm (%)	0.85	+9
Dầu (WTI, \$)	70.40	-0.23
Vàng (LME, \$)	1,811.32	+0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,334.74 (+0.17%)
KLGD (triệu CP) 661.8 (+9.6%)
GTGD (triệu US\$) 927.4 (-1.0%)

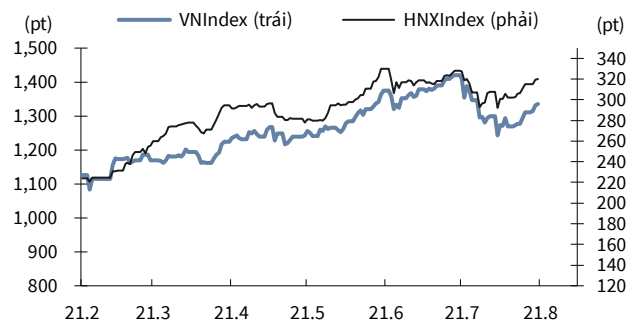
HNXIndex 320.02 (+0.28%)
KLGD (triệu CP) 120.0 (+3.1%)
GTGD (triệu US\$) 120.8 (-6.9%)

UPCoM 87.52 (-0.08%)
KLGD (triệu CP) 65.8 (+1.3%)
GTGD (triệu US\$) 46.9 (-18.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +36.7

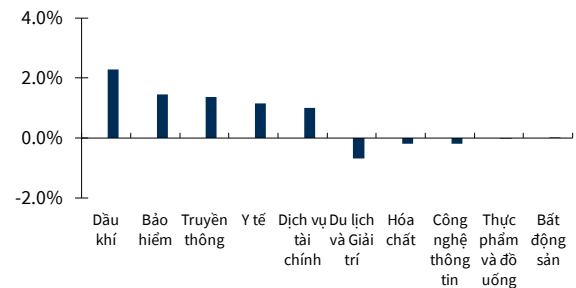
TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã thông qua gói hỗ trợ tài chính trị giá lên tới 650 tỷ USD, trong đó Việt Nam có thể nhận khoảng 1.56 tỷ USD. Kallanish Commodities cho biết Tổng thống Mỹ Biden đang có kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng và có thể khiến nhu cầu thép tăng khoảng 5 triệu tấn/năm trong vòng 5 năm đầu tiên, giúp giá cổ phiếu ngành thép tăng ở HPG (+0.5%), NKG (+4.6%). Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) công bố Việt Nam giữ vị trí thứ hai là nước cung ứng hàng dệt may toàn cầu chỉ sau Trung Quốc, giúp cổ phiếu ngành dệt may tăng ở MSH (+1.6%), STK (+2.0%). Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 7 tháng đầu năm tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tăng mạnh 73.6% so với cùng kỳ, giúp giá cổ phiếu ngành cao su tăng ở TRC (+1.8%), DPR (+1.2%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (-0.4%), STB (+2.9%), SSI (+0.5%).

VNIndex & HNXIndex



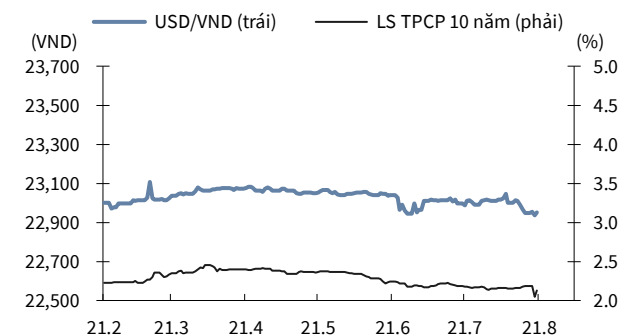
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



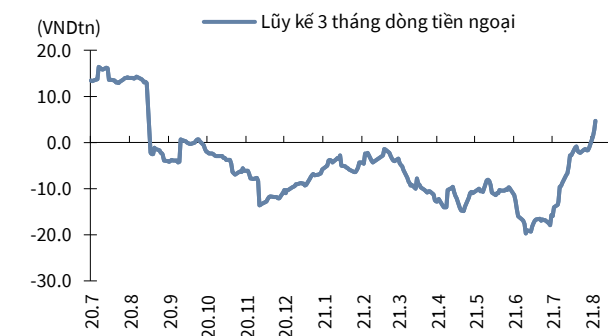
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

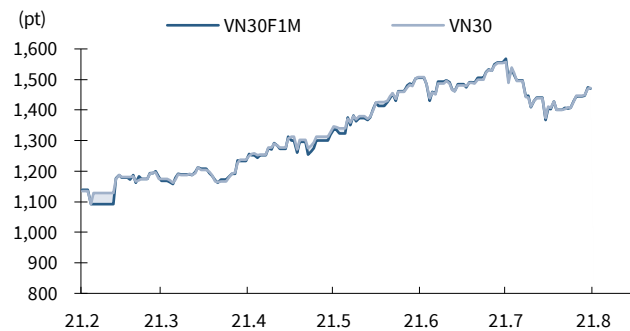
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,472.20 (+0.16%)
VN30F1M	1,470.9 (-0.28%)
Mở cửa	1,473.0
Cao nhất	1,481.0
Thấp nhất	1,461.6

¾ HĐTL giảm điểm trong phiên giao dịch hôm nay trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, trái ngược với diễn biến tăng điểm tại thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 5.13 điểm, sau đó đảo chiều và biến động với biên độ âm trong hầu hết phiên giao dịch, đóng cửa ở mức -1.3 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

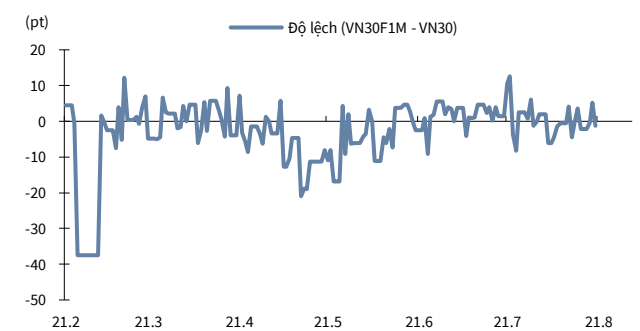
KLGD (HĐ)	253,008 (-18.3%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



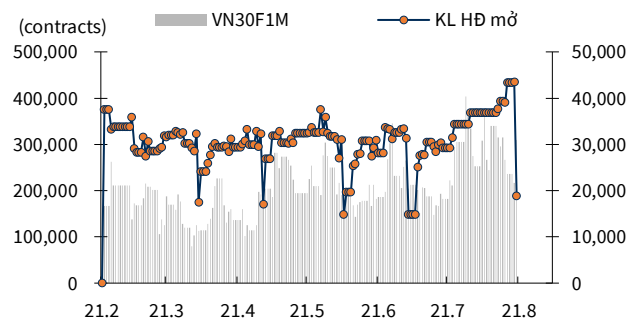
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



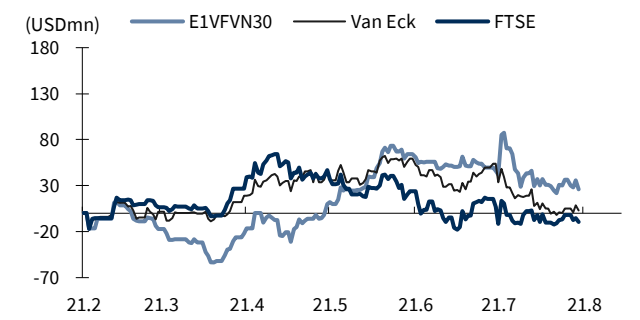
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

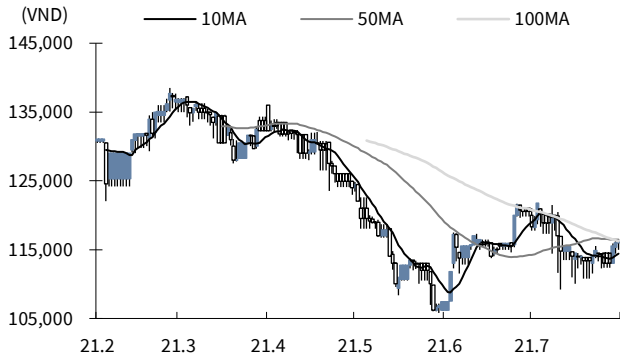
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vietjet (VJC)

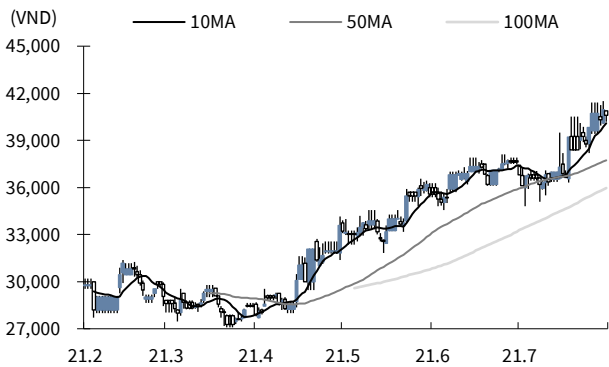


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC tăng 0.2% lên 116,200 VNĐ/cp.

- Vietjet thông báo doanh thu quý II đạt 2,973 tỷ đồng (+51% YoY), chủ yếu nhờ nhu cầu đi lại tăng cao trong tháng 4.
- Vietjet cho biết 6 tháng đầu năm hãng đã vận chuyển hơn 4.8 triệu lượt hành khách trên toàn mạng bay, thực hiện 34,000 chuyến bay và vận chuyển hơn 37,000 tấn hàng hóa (+45% YoY).

Khang Điền (KDH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDH giảm -0.9% xuống 40,600 VNĐ/cp.

- Khang Điền thông báo lợi nhuận quý II đạt 265 tỷ đồng (+4.5% YoY) và doanh thu đạt 1,112 tỷ đồng (+42% YoY). Trong đó, 98% doanh thu đến từ chuyển nhượng bất động sản. Tuy nhiên giá vốn tăng 86% khiến biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 53% xuống 38%.

Tập Đoàn Cao Su Việt Nam (GVR)

Báo cáo lần đầu: triển vọng tốt nhờ quỹ đất phát triển lớn nhất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích – Phạm Nhật Anh
anhpn@kbsec.com.vn

04/08/2021

Khuyến nghị Năm Giữ với giá mục tiêu 35,700 VNĐ

Mảng cao su tự nhiên (CSTN) tăng trưởng 71.4% lợi nhuận gộp 2021 nhờ giá bán tăng mạnh.

Nhà phát triển bất động sản hàng đầu với mục tiêu nâng diện tích đất KCN quản lý lên tới 26,000 ha trong 15 năm tới.

Mảng cao su công nghiệp (CSCN) và gỗ sẽ phát triển thông qua hình thức M&A, gia tăng chuỗi giá trị.

Chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** cho cổ phiếu GVR với giá mục tiêu 35,700 VNĐ/ cổ phiếu, tương đương mức tổng lợi suất sinh lời 5,9% dựa trên phương pháp định giá từng phần (SOTP) cho mảng gỗ, cao su, khu công nghiệp và các mảng khác. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị dựa vào các yếu tố sau:

Chúng tôi dự phóng biên gộp mảng cao su năm 2021 sẽ tăng mạnh từ 18.8% lên 23.3% nhờ giá bán cao su tăng trưởng 29.1% lên 1653 USD/ tấn. Trong giai đoạn 2021-2025, biên gộp của GVR sẽ tiếp tục đạt mức biên lợi nhuận gộp cao 22.8% nhờ định hướng phát triển theo hình thức thâm canh, qua đó giảm giá vốn nhờ giảm diện tích trồng cao su nhưng vẫn đạt tăng trưởng sản lượng bình quân 4.13% CAGR.

Theo chiến lược mới đề ra tại ĐHCĐ, trong 100,000 ha diện tích trồng cao su giảm đi 20,000 ha sẽ được sử dụng cho phát triển KCN và 40,000 cho chuyển đổi CSHT. Qua đó, GVR dự kiến sẽ nâng quỹ đất quản lý lên 26,000 ha, gấp 2.5 lần quỹ đất của Becamex, công ty quản lý KCN lớn nhất hiện nay. Với đơn giá đền bù đất chuyển đổi CSHT lên tới 0.6 tỷ đồng/ ha, chúng tôi cũng kì vọng khoản đền bù 40,000 ha sẽ đóng góp không nhỏ cho GVR các năm tới.

Mảng CSCN và gỗ được kì vọng sẽ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 lần lượt là 17.5% CAGR và 10% CAGR. Chúng tôi đánh giá mảng CSCN sẽ tăng trưởng mạnh nhờ kế hoạch tăng gấp đôi công suất gang tay lên 5 tỷ chiếc/ năm và dự định M&A với Vinachem để khép kín chuỗi giá trị sẫm lốp. Mảng gỗ tuy đã đạt 100% công suất nhưng vẫn là một mảng có dư địa tăng trưởng cao, do vậy kế hoạch phát triển sắp tới của BLĐ sẽ là thực hiện M&A để gia tăng công suất mảng

Năm giữ

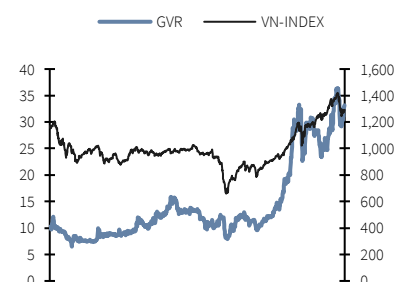
Giá mục tiêu	VNĐ 35,700
Tăng/giảm	5.9%
Giá hiện tại (04/08/2021)	VNĐ 33,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 30,200
Vốn hóa (Tỷ VNĐ)	134,600

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	3.21%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	151
Sở hữu nước ngoài (%)	0.66%
Cổ đông nhà nước (CMSC)	96.77%

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1W	1M	3M	12M
GVR	3.65%	-8.54%	26.8%	218.54%
VNINDEX	-1.23%	-9.08%	29%	61%

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019	2020	2021	2022
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	19,804	21,116	27,439	28,882
Lãi/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VNĐ)	2,565	2,382	3,890	4,077
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	3,833	5,076	5,730	6,182
EPS (VNĐ)	813	943	1,217	1,311
P/E (x)	13.05	31.77	27.5	25.5
P/B (x)	0.91	2.52	2.63	2.45
ROE (%)	7.7%	10.0%	10.6%	9.6%
Dividend yield (%)	2.96%	2.34%	1.8%	1.8%



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

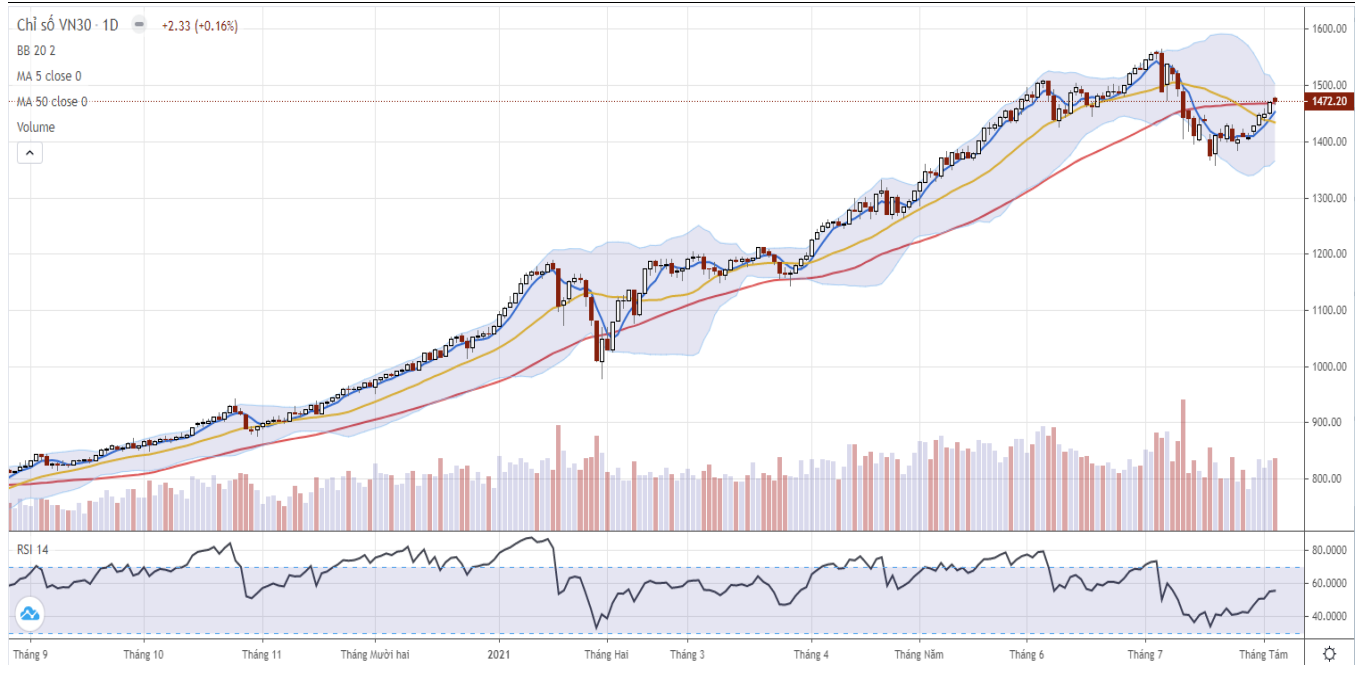
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



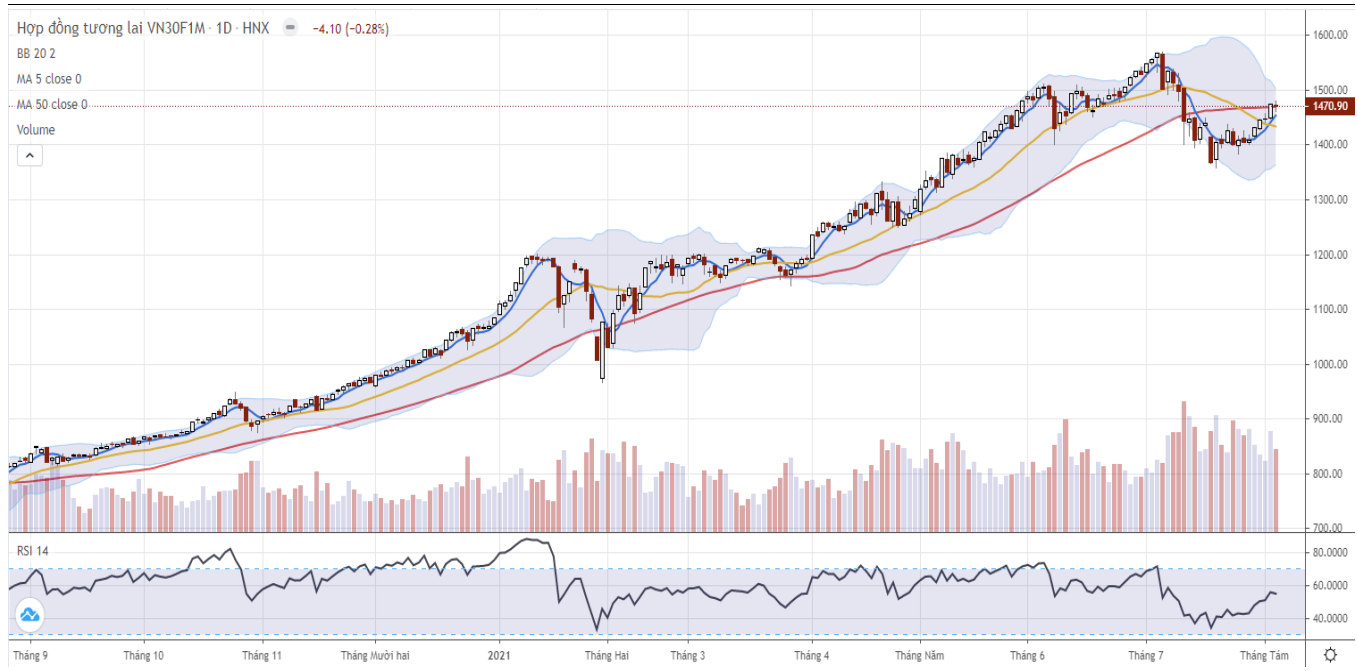
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trên tham chiếu và có tín hiệu đảo sức trong phiên chiều trước khi phục hồi lại một phần về cuối phiên.
- Sau khi lên đến vùng mục tiêu, áp lực rung lắc đã bắt đầu xuất hiện với sự hình thành của mẫu nến "hanging man". Mặc dù cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục vẫn đang hiện hữu nhưng chúng tôi tiếp tục lưu ý rủi ro đảo chiều sẽ dần gia tăng trong những phiên tới và khả năng tạo đỉnh ngắn hạn cần được tính đến nếu thị trường xuất hiện một phiên phân phối lớn hoặc tăng điểm nhưng đi kèm sự sụt giảm của KLGĐ.
- NĐT cần tập trung vào việc cân bằng lại tỷ trọng, tiếp tục chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn đã tăng đạt kỳ vọng.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1485 - 1490

Kháng cự gần: 1475 - 1477

Hỗ trợ gần: 1461 - 1463

Hỗ trợ xa: 1454 - 1458

— F1 diễn biến giằng co quanh tham chiếu với lực bán có phần gia tăng vào cuối phiên.

— Sau khi lên đến vùng mục tiêu, áp lực rung lắc đã bắt đầu xuất hiện với sự hình thành của mẫu nến spinning. Mặc dù cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục vẫn đang hiện hữu nhưng rủi ro đảo chiều sẽ dần gia tăng trong những phiên tới.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Sau khi đóng hết các vị thế LONG, chờ tín hiệu xác nhận xu hướng kế tiếp trước khi mở lại vị thế.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

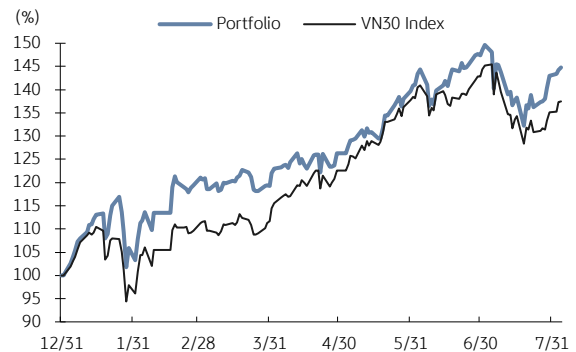
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.16%	0.32%
Tăng lũy kế (YTD)	37.49%	44.72%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/08/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	170,000	0.1%	46.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	43,550	0.2%	78.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,500	0.0%	25.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,700	1.4%	136.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,000	-0.6%	58.8%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,600	-0.2%	228.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,000	-0.3%	79.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,000	1.1%	28.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,500	0.5%	228.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	34,950	1.0%	155.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.4%	23.3%	386.6
STB	2.9%	14.4%	316.2
SSI	0.5%	49.0%	137.5
MBB	1.4%	21.9%	106.1
FUEVFNDD	0.0%	98.1%	40.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.4%	15.2%	-86.4
HPG	0.5%	26.7%	-60.0
NVL	1.9%	9.7%	-34.3
VCB	-0.3%	23.6%	-28.0
VRE	-1.4%	30.6%	-22.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXS	3.9%	18.3%	7.3
KLF	7.7%	0.6%	0.6
PVS	2.0%	7.8%	0.2
DTD	1.8%	0.1%	0.2
BII	2.3%	2.5%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLC	-1.0%	2.4%	-8.4
VND	-0.2%	36.6%	-4.0
SHB	-0.4%	4.0%	-2.1
BVS	0.7%	9.8%	-1.2
NBP	0.7%	5.3%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	9.6%	SSI, VND
Bán lẻ	7.4%	MWG, DGW
Bảo hiểm	6.5%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	6.1%	HVN, VJC
Bất động sản	5.1%	VIC, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	0.6%	TCH, CSM
Y tế	1.9%	IMP, APC
Xây dựng và Vật Liệu	2.1%	VCG, VNE
Tài nguyên Cơ bản	2.4%	SHI, VID
Thực phẩm và đồ uống	3.1%	HNG, PAN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	5.3%	FPT, CMG
Bán lẻ	3.6%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.1%	LGCC, GMD
Thực phẩm và đồ uống	1.9%	MSN, VCF
Y tế	1.5%	TRA, PME

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-9.2%	VCB, VPB
Ô tô và phụ tùng	-6.5%	TCH, SVC
Truyền thông	-4.7%	YEG, PNC
Tài nguyên Cơ bản	-4.2%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.7%	TLG, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD Mn)	GTGD (VNĐ tỷ, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	263,000 (11.4)	22.5	61.9	61.1	14.7	9.3	8.2	4.3	3.9	-0.4	8.4	-3.0	5.4
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	487,200 (21.2)	26.6	11.9	10.5	35.9	31.9	27.6	3.2	2.5	-0.4	3.8	-6.4	23.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	135,013 (5.9)	17.8	25.5	19.2	-7.6	7.9	10.2	2.1	1.8	-1.4	2.6	-	-11.1
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	337,029 (14.7)	31.3	29.1	31.9	6.7	16.2	13.0	4.6	4.5	1.9	3.3	-9.7	123.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	170,102 (7.4)	11.6	21.0	15.3	18.0	14.0	16.7	2.7	2.3	-0.9	4.8	8.0	52.4
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	137,261 (6.0)	13.9	12.9	7.7	-	14.0	18.2	1.5	1.3	-0.9	5.1	-8.4	36.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	188,314 (8.2)	6.3	15.9	13.6	11.7	22.1	21.5	3.1	2.6	-0.3	1.5	-	0.6
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	111,816 (4.9)	12.7	18.3	13.4	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.7	-0.8	6.2	-8.6	-10.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,278,078 (55.6)	0.0	11.1	9.4	14.3	20.0	19.3	2.0	1.7	0.4	4.6	-4.2	65.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	635,662 (27.6)	1.4	8.3	7.1	61.1	19.7	19.7	1.5	1.3	-0.3	3.3	-	27.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	955,302 (41.5)	0.0	10.6	10.1	18.8	25.1	17.8	1.8	1.5	-0.5	7.5	-	86.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	607,933 (26.4)	0.0	9.0	7.7	14.6	21.7	21.0	1.7	1.4	1.4	7.6	-7.7	75.9
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	121,732 (5.3)	4.2	10.2	8.5	23.3	21.2	20.1	1.9	1.6	0.4	6.5	-5.8	47.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	926,349 (40.3)	14.0	23.6	15.8	26.5	8.9	11.8	1.8	1.6	2.9	6.1	-2.7	81.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	212,441 (9.2)	0.0	8.4	7.0	37.5	22.0	21.4	1.7	1.4	1.6	2.6	-7.0	31.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,008 (0.7)	0.2	39.7	21.6	27.3	5.8	10.0	1.9	1.8	1.7	10.9	-	42.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	53,727 (2.3)	21.0	23.3	20.7	15.2	8.4	9.0	1.9	1.8	2.1	7.2	-9.0	-18.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	27,297 (1.2)	14.2	15.3	15.6	9.1	11.4	11.7	1.6	1.5	0.1	6.2	15.3	37.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	735,206 (32.0)	55.4	28.3	23.0	-3.2	14.1	14.5	4.2	3.9	0.5	8.4	-1.9	71.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	202,717 (8.8)	71.9	17.4	12.8	-4.0	22.5	25.3	3.5	3.0	3.7	13.9	-8.2	83.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	277,231 (12.1)	52.4	20.0	15.1	-25.5	19.1	21.4	3.3	3.0	0.6	8.5	-8.6	58.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	366,077 (15.9)	27.2	18.9	17.7	36.3	21.3	17.0	3.2	2.9	-0.2	14.2	2.9	165.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	269,000 (11.7)	42.1	18.0	16.9	4.0	32.6	33.7	5.6	5.3	0.0	0.2	-3.3	-19.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,586 (1.0)	36.9	20.1	17.0	7.3	24.3	25.6	4.4	4.1	1.3	1.8	-7.0	-19.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	204,813 (8.9)	16.5	57.7	33.8	-51.9	12.9	17.9	7.8	6.3	-1.3	9.2	19.4	53.0
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	83,115 (3.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	6.3	-4.2	28.9	-48.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,972 (3.2)	11.0	154.9	23.7	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	0.2	1.6	-3.6	-7.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	146,323 (6.4)	10.8	27.8	19.6	-57.0	8.3	11.5	2.2	2.1	-1.4	6.7	5.6	44.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	33,036 (1.4)	38.4	13.0	7.8	65.7	11.1	9.9	1.0	0.9	0.0	3.1	-	-22.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	72,427 (3.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	4.2	9.9	-	114.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	114,585 (5.0)	37.7	16.0	11.1	-12.7	12.7	13.8	-	-	0.0	2.0	-1.3	25.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	18,238 (0.8)	3.6	19.8	15.0	-52.4	3.1	4.0	0.6	0.5	-0.9	7.8	-0.9	-17.8
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	32,167 (1.4)	0.0	9.2	7.4	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	-0.6	3.1	-4.8	10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	71,271 (3.1)	46.1	18.7	16.0	-17.5	19.2	20.4	3.4	3.1	1.1	5.5	-2.7	8.5	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,940 (0.3)	31.4	14.5	9.4	-10.5	9.1	14.1	1.3	1.2	1.1	1.9	-	10.5	-24.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,605 (0.2)	34.1	9.2	10.0	-5.1	11.3	13.4	1.4	1.4	0.0	0.2	-	11.9	-7.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,496,535 (65.1)	18.0	7.3	7.1	21.9	38.3	28.9	2.3	1.7	0.5	1.7	-9.2	54.7	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	65,175 (2.8)	36.5	13.0	16.6	-0.5	11.5	7.9	1.2	1.2	0.2	16.7	15.0	44.7	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	77,918 (3.4)	46.5	18.3	18.8	-4.5	10.1	9.1	1.7	1.6	-1.2	9.9	2.5	47.1	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	477,720 (20.8)	38.9	5.5	7.2	67.9	33.3	23.9	2.0	1.5	1.4	4.5	-	11.6	86.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	92,932 (4.0)	97.2	10.4	11.2	17.2	10.5	11.0	1.0	1.0	-0.3	-0.6	-	13.1	12.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	74,416 (3.2)	4.6	19.4	16.5	-51.0	16.0	16.7	2.7	2.6	2.1	3.6	-5.6	-4.2	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	106,963 (4.7)	39.9	41.5	17.4	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	3.6	5.9	-	15.1	16.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	63,664 (2.8)	35.9	9.0	8.5	1.2	13.6	13.4	1.2	1.1	0.5	5.5	-7.7	37.9	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	195,711 (8.5)	0.0	16.1	13.4	13.7	26.5	26.7	4.0	3.4	0.1	8.2	8.4	43.0	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	79,744 (3.5)	0.0	17.3	13.7	2.4	23.4	24.0	3.6	3.0	0.0	7.1	-3.0	19.1	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,740 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	1.0	-	25.5	-67.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	115,006 (5.0)	30.3	30.1	19.8	-75.2	8.1	11.8	2.4	2.2	-0.7	7.6	36.9	17.7	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,656 (1.5)	34.6	8.0	11.3	41.2	26.2	19.9	2.0	2.1	0.2	4.5	-9.3	-19.2	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,227 (0.1)	45.4	17.0	15.8	10.7	20.3	20.2	3.2	2.9	1.3	1.6	1.0	-8.7	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	034 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	5.6	10.5	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	336,328 (14.6)	0.0	21.2	17.7	15.6	25.0	25.8	4.7	4.1	-0.2	3.9	4.0	86.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.